

Bản án số: 463/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thanh Hà

Ông Trần Đức Nhì

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Xuân Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 195 LVL khóm B, Phường A, Thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Tăng Bá P, sinh năm 1973.

Địa chỉ thường trú: 302B BS, Phường D, Quận F, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Xuân Đ trình bày:

Bà Trần Thị Xuân Đ và ông Tăng Bá P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về tính tình, cách sống. Ông P thường xuyên tụ tập chơi ma túy đá, rồi sau đó còn đánh đập bà Đ, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng Ông P vẫn không thay đổi, vì vậy mà tình cảm vợ chồng cũng ngày càng rạn nứt. Đến tháng 11/2020 do không thể chịu nổi cuộc sống như vậy nữa nên đã chuyển hẳn về quê ở Cà Mau sinh sống cùng gia đình cho đến nay. Từ đó, bà Đ và Ông P cũng không còn liên lạc hay hàn gắn tình cảm gì với nhau. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết không công nhận bà và ông Tăng Bá P là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung là Tăng Hoàng D, sinh ngày 16/11/2005; Tăng Hoàng L, sinh ngày 14/3/2010 và Tăng Phương N, sinh ngày 26/11/2013. Hiện Ông P đang nuôi cả 03 con, thỉnh thoảng bà Đ ghé qua trường học thăm các con. Nay bà Đ đồng ý giao hai trẻ Tăng Hoàng D và Tăng Hoàng L cho Ông P nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tăng Phương N, do bé N là con gái, và vì hiện điều kiện kinh tế của bà Đ không thể nuôi cùng lúc cả 03 con.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Tăng Bá P vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai trình bày:

Ông Tăng Bá P và bà Trần Thị Xuân Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do Ông P phát hiện bà Đ có tình cảm với người khác nhưng bà Đ không thừa nhận. Bà Đ còn nợ nần nhiều người, Ông P phải đứng ra trả. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng sau đó bà Đ đã bỏ đi từ cuối năm 2020 cho đến nay không còn liên lạc. Hiện Ông P không còn tình cảm với bà Đ và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông P bà Đ.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung là Tăng Hoàng D, sinh ngày 16/11/2005; Tăng Hoàng L, sinh ngày 14/3/2010 và Tăng Phương N, sinh ngày 26/11/2013. Hiện Ông P đang nuôi cả 03 con và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không đồng ý giao con cho bà Đ vì bà Đ không có khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Xuân Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có đơn rút yêu cầu xin ly hôn với ông Tăng Bá P.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Không công nhận bà Trần Thị Xuân Đ và ông Tăng Bá P là vợ chồng; giao cả ba con chung cho ông Tăng Bá P nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Tăng Bá P có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Trần Thị Xuân Đ có đơn xin ly hôn Ông P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Cả bà Trần Thị Xuân Đ và ông Tăng Bá P đều thừa nhận hai người chung sống với nhau có 03 con chung nhưng không đăng ký kết hôn. HĐXX thấy rằng bà Trần Thị Xuân Đ và ông Tăng Bá P có đủ điều kiện kết hôn theo quy

định của pháp luật nhưng ông bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo luật định.

Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng”. Nay bà Đ có đơn xin ly hôn và có yêu cầu Tòa án không công nhận bà và Ông P là vợ chồng là có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Xuân Đ đồng ý giao Ông P trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Tăng Hoàng D và Tăng Hoàng L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tăng Phương N; ông Tăng Bá P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung vì bà Đ không có khả năng kinh tế để nuôi con. HĐXX thấy rằng, cả bà Đ và Ông P đều nhìn nhận do mâu thuẫn nên bà Đ đã bỏ đi từ năm 2020, từ đó đến nay Ông P trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của các trẻ và các cháu đều có nguyện vọng được sống với ba. Như vậy, có thể thấy từ năm 2020 đến nay ông P trực tiếp nuôi dưỡng các con cũng đã ổn định nên tiếp tục giao các con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Bà Trần Thị Xuân Đ và ông Tăng Bá P xác định không có và không có đơn yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: bà Trần Thị Xuân Đ và phải chịu án phí DSST theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 14, 15, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Xuân Đ:

a/ Không công nhận bà Trần Thị Xuân Đ và ông Tăng Bá P là vợ chồng.

b/ Về con chung:

Giao ông Tăng Bá P trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là Tăng Hoàng D, sinh ngày 16/11/2005; Tăng Hoàng L, sinh ngày 14/3/2010 và Tăng Phương N, sinh ngày 26/11/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tăng Bá P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Trần Thị Xuân Đ có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

c/ Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Bà Trần Thị Xuân Đ và ông Tăng Bá P xác định không có và không có đơn yêu cầu giải quyết.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Xuân Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Tăng Phương N, sinh ngày 26/11/2013.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Xuân Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0011685 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng c hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hà được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T. M HỌI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Châu